

Số: 412 /QĐ-ĐHTCQTKD

Hung Yên, ngày 28 tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2021

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH – QUẢN TRỊ KINH DOANH

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018, sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ,

Căn cứ thông báo số 412/TB-BTC, ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Bộ Tài chính về việc xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2021;

Xét đề nghị của P.Trưởng phòng Tài chính Kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2021 của Trường Đại học Tài chính- Quản trị Kinh doanh (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Phòng Tài chính-Kế toán, Phòng Quản trị Thiết bị, Trung tâm Thông tin Thư viện tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban giám hiệu;
- Như điều 3;
- Website;
- Lưu: VT, TCKT.





Phụ lục

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số **412/QĐ-DHCTCKD**, ngày **28/7/2022** của trường Đại học Tài chính- Quản trị kinh doanh)

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	91	91	-	
I	Số thu phí, lệ phí	91	91	-	
	Lệ phí tuyển sinh	91	91	-	
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại	91	91	-	
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	91	91	-	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	91	91	-	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			-	
2	Chi quản lý hành chính			-	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ			-	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ			-	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	-	-	-	
	Lệ phí tuyển sinh			-	
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	30.891	30.891	-	
I	Nguồn ngân sách trong nước	30.891	30.891	-	
1	Chi quản lý hành chính	-	-	-	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ			-	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ			-	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	880	880	-	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	880	880	-	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia			-	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ			-	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	880	880	-	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng			-	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			-	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	30.011	30.011	-	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	13.000	13.000	-	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	17.011	17.011	-	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình			-	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			-	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			-	
5	Chi bảo đảm xã hội			-	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			-	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			-	
6	Chi hoạt động kinh tế			-	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			-	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			-	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường			-	

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			-	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			-	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin			-	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			-	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			-	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn			-	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			-	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			-	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao			-	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			-	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			-	
II	Nguồn vốn viện trợ			-	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài			-	